

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS - ST

Ngày 18/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Hồng Thái và ông Ma Văn Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Triu và ông Vi Văn L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn S - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 17 tháng 6 năm 1995 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Chòi M, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có:

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Văn L1 - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1996 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Văn P, sinh năm 1979 và bà Triệu Thị L2, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có:

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1: Bà Nguyễn Phương B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Nông Văn T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Anh Đặng Văn S1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Nông Văn M1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

4. Anh Bàn Tồn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

5. Anh Lộc Văn T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Ma Văn B1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

7. Anh Lý Kiềm P1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

8. Anh Dương Văn L3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

9. Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

10. Chị Nông Thị T2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Anh Lý Á P2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

12. Chị Sâm Thị L4, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trịnh Tạ C1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Triệu Tạ C2, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 01, Trại giam P4. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Triệu Y C3, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

5. Chị Đặng Thị H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Phùng Văn G, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Phùng Văn S2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 03, Trại giam P4. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 02 năm 2017, tại nhiều địa điểm khác nhau trên địa bàn huyện P, Đặng Văn S, Triệu Văn L1 và các đối tượng gồm: Phùng Văn S2, sinh năm 1998, Phùng Văn G, sinh năm 1995, cùng trú tại thôn P, xã A, huyện P; T, sinh ngày 20/8/1999, trú tại thôn Bản Sáp, xã X, huyện P và T, sinh ngày 23/9/2000, trú tại thôn K, xã B, huyện P đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 09/01/2016, Phùng Văn G điều khiển xe mô tô BKS 97B1-496.05 của ông Đặng Chòi M (xe do Đặng Văn S mượn được từ Đặng Văn S1) chở S đi đến thôn N, xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-355.47 của Nông Văn T dựng ở cạnh đường. Thấy chiếc xe không có người trông coi, G đứng cạnh giới, S vào dắt chiếc xe ra, rút dây mát đầu nối, nổ được xe, sau đó G điều khiển chiếc xe vừa trộm được cùng S đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán cho một người đàn ông tên G1, không biết họ tên, địa chỉ được số tiền 3.000.000đ, chia đều mỗi người 1.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 09/10/2016, Triệu Tạ C2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-077.82 của C2 chở Phùng Văn S2; Đặng Văn S điều khiển xe mô tô BKS 97B1-496.05 của ông Đặng Chòi M đi từ huyện B về huyện P. Khoảng hơn 23 giờ khi đến thôn N, xã G thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 97B1-487.06 của Lý Văn H1, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng (xe do Sầm Thị L4, sinh năm 2001, trú cùng thôn với H1 mượn sử dụng, để ở cạnh đường. Phùng Văn S2 trực tiếp dắt xe ra đường, trôi xe đi được một đoạn thì dừng xe lại, rút dây mát đầu nối, nổ được xe. Sau đó, Phùng Văn S2 điều khiển chiếc xe trộm cắp được cùng C2 và Đặng Văn S đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán cho G1 được số tiền 2.000.000 đồng, cùng nhau tiêu dùng cá nhân hết.

Lần thứ ba: Ngày 07/11/2016, Phùng Văn S2, Đặng Văn S và Trịnh Tạ C1 cùng điều khiển xe mô tô không nhớ biển kiểm soát do C1 mượn của Triệu Văn T3 vào nhà T3 tại thôn N, xã A để ăn cơm. Khoảng 22 giờ cùng ngày thì cùng nhau điều khiển chiếc xe của ông T3 đi về, khi về đến thôn N, xã A thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc BKS 97B1- 366.11 của anh Bàn Tồn Q, trú tại thôn K, xã A dựng ở cạnh đường thì Đặng Văn S nói “*nếu tí nữa quay lại còn thấy chiếc xe ở đây thì lấy trộm*”. Phùng Văn S2 và C1 không nói gì, cả ba người cùng đi vào thôn T, xã A được khoảng 20 phút quay lại. Thấy chiếc xe của anh Q vẫn dựng ở vị trí cũ, Đặng Văn S và C1 xuống xe, Phùng Văn S2 điều khiển xe đi trước một đoạn rồi đứng đợi. Cán đứng cạnh giới, Đặng Văn S một mình đến gần chiếc xe, thấy chiếc xe không khóa cở, S dắt chiếc xe đi đến chỗ Phùng Văn S2 và dùng chìa khóa xe của ông T3 mở được khóa. Sau đó Phùng Văn S2 điều khiển chiếc xe trộm cắp được đi theo sau Cán với Đặng Văn S, khoảng hơn 23 giờ cùng ngày thì đi đến trung tâm xã B, huyện P. Tại đây, Đặng Văn S dùng điện thoại di động của mình gọi cho Triệu Tạ C2, rủ C2 cùng đi trộm cắp tài sản, C2 đồng ý và sử dụng xe mô tô BKS 97B1- 077.82 chở Đặng Văn S. Cán để chiếc xe mượn của ông T3 tại phòng trọ rồi ngồi theo chiếc xe BKS 97B1- 366.11 do Phùng Văn S2 điều khiển để đi tỉnh Cao Bằng. Khi đi đến thôn P, xã B thì Phùng Văn S2 và C1 phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-250.95 của Lộc Văn T1 để ở cạnh đường, Phùng Văn S2 dùng điện thoại di động gọi cho Đặng Văn S để thông báo cho Đặng Văn S biết và đứng lại đợi C2 và Đặng Văn S, còn C1 điều khiển chiếc xe BKS 97B1- 366.11 đi trước. Khi C2 và Đặng Văn S đến nơi, C2 chở Phùng Văn S2 đi trước còn Đặng Văn S một mình dắt chiếc xe Lộc Văn T1 ra đường, rút dây mát, đầu nối nổ được xe và điều khiển xe đuổi theo C2 và Phùng Văn S2. Sau khi đuổi kịp C2 và Phùng Văn

S2 thì C2 với Đặng Văn S quay về xã B. Phùng Văn S2 và C1 điều khiển hai chiếc xe trộm cắp được đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán cho G1 được số tiền 6.000.000đ, sau đó cùng nhau tiêu dùng cá nhân hết.

Lần thứ tư: Khoảng 00 giờ ngày 24/11/2016, Đặng Văn S điều khiển xe mô tô không nhớ biển kiểm soát do C1 mượn của Triệu Văn T3 chở C1 đi đến thôn N, xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 11N1 - 028.04 của Nông Thị T2 dựng ở cạnh bàn bi-a gần đường, C1 và S giúp nhau bẻ khoá cổ và rút dây mát đầu nối nổ được xe, S điều khiển xe vừa trộm cắp được cùng C1 đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho G1 được số tiền 4.000.000đ, chia đều mỗi người 2.000.000đ.

Lần thứ năm: Khoảng hơn 23 giờ ngày 30/12/2016, Đặng Văn S điều khiển xe mô tô BKS 97B1-496.05 của ông Đặng Chòi M chở Triệu Tạ C2; Phùng Văn S2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-216.44 do Sính mượn của Triệu Đào H2 chở C1 đi từ xã B đi xã B. Khi đến thôn Bản Mạn, xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-470.68 của Ma Văn B1 để dưới sân nhà của Ma Văn L5. Phùng Văn S2 và C1 đẩy xe ở ngoài đường rồi cùng vào dắt chiếc xe ra, Phùng Văn S2 điều khiển xe trôi đi được một đoạn, sau đó rút dây mát đầu nối nổ được xe rồi điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được cùng Đặng Văn S, C2 và C1 cùng đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán chiếc xe trộm cắp được cho G1 được số tiền 4.000.000đ, chia đều mỗi người 1.000.000đ.

Lần thứ sáu: Khoảng 23 giờ ngày 31/12/2016, Phùng Văn S2, Đặng Văn S và Triệu Văn L1 cùng bàn bạc đi trộm cắp. Đặng Văn S ở nhà chờ, còn Phùng Văn S2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-216.44 do Phùng Văn S2 mượn của Triệu Đào H2 chở L1 đi đến thôn N, xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-422.66 của Nông Văn M1 dựng ở hiên nhà, S2 và L1 cùng vào dắt chiếc xe ra ngoài đường, giúp nhau bẻ khoá cổ và rút dây mát đầu nối nổ được xe, L1 điều khiển chiếc xe trộm cắp được còn Phùng Văn S2 đi đón Đặng Văn S và cùng L1 đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho G1 được số tiền 3.000.000đ, chia đều mỗi người 1.000.000đ.

Lần thứ bảy: Khoảng hơn 23 giờ ngày 16/01/2017, sau khi thống nhất cùng đi trộm cắp tài sản, Phùng Văn S2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-216.44 do Sính mượn của Triệu Đào H2 chở Đặng Văn S, Triệu Tạ C2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-496.05 của Đặng Chòi M chở L1 đi từ thôn N, xã B đến xã C thì C2 và L1 đứng đợi. Phùng Văn S2 và Đặng Văn S tiếp tục đi đến thôn P, xã C thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97B1-565.26 của Lý Kiểm P1 để ở hiên nhà và có khoá cổ. Phùng Văn S2 và Đặng Văn S cùng nhau dắt xe ra đường, bẻ khoá cổ và rút dây mát đầu nối nổ được xe. Phùng Văn S2 điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được cùng Đặng Văn S đi ra đến xã G thì đưa cho L1 điều khiển chiếc xe vừa trộm được, còn Phùng Văn S2 và C2 tiếp tục đi tìm xe để trộm, khi đi đến thôn C, xã G thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-480.28 của Dương Văn Đ để ở dưới hiên nhà của Dương Thị L6. S2 và C2 cùng dắt chiếc xe ra đường, phá khoá cổ, rút dây mát đầu nối nổ được xe, sau đó C2 điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được cùng L1, Phùng Văn S2 và Đặng Văn

S đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán hai chiếc xe trộm cắp được cho G1 được số tiền 4.000.000đ, chia mỗi người được 1.000.000đ.

Lần thứ tám: Khoảng 23 giờ ngày 26/01/2017, Phùng Văn S2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-216.44 do Sênh mượn của Triệu Đào H2 chở Đặng Văn S và L1 đi từ xã B đến thôn N, xã C thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1- 499.33 của Dương Văn L3, xe được dựng ở sân trước cửa nhà và có khoá cổ. Phùng Văn S2 đứng canh giới, Đặng Văn S và L1 trực tiếp vào giúp nhau dắt xe ra ngoài đường rồi phá khoá cổ, rút dây mát đầu nối nổ được xe, Phùng Văn S2 điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cùng Đặng Văn S, L1 cùng đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho G1 được số tiền 2.000.000đ, sau đó cùng tiêu dùng cá nhân hết.

Lần thứ chín: Khoảng 23 giờ ngày 07/02/2017, sau khi thống nhất cùng đi trộm cắp tài sản, L1 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-216.44 do Phùng Văn S2 mượn của Triệu Đào H2 chở C2, Phùng Văn S2 điều khiển xe mô tô BKS 97B1-496.05 của Đặng Chòi M chở Đặng Văn S đi từ thôn N, xã B đi xã C. Khi đi đến thôn N, xã B thì L1 và C2 đi tiếp còn Đặng Văn S và Phùng Văn S2 đứng lại đợi. Khi đi đến thôn N, xã C thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-433.36 của Lý Á P2 để dưới hiên nhà, L1 vào dắt chiếc xe ra ngoài đường rồi rút dây mát đầu nối nổ được xe. L1 điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được cùng C2 quay về đến thôn N thì gặp Đặng Văn S và Phùng Văn S2. Sau đó cả bốn người cùng đi đến thôn N, xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1-400.66 có khoá cổ của Đặng Văn S1, trú tại thôn P, xã N, huyện P (xe do Đặng Thị N mượn để sử dụng), để ở dưới hiên nhà trọ của Nguyễn Đình K. Chiu và Phùng Văn S2 cùng nhau dắt chiếc xe xuống đường rồi cùng giúp nhau bẻ khoá cổ, C2 điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được cùng L1, Đặng Văn S, Phùng Văn S2 cùng đi đến huyện B, tỉnh Cao Bằng bán hai chiếc xe mô tô trộm cắp được cho G1 được số tiền 4.000.000đ, chia mỗi người được 1.000.000đ.

Sau khi thực hiện trộm cắp xe mô tô của Lý Á P2 và Đặng Văn S1 vào ngày 07/02/2017, Đặng Văn S và Triệu Văn L1 bỏ đi khỏi địa phương, vượt biên sang nước Trung Quốc, nước Cam Pu C4 để làm thuê. Ngày 26/5/2023, S với L1 quay về Việt Nam, khi đến thành phố V, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu thì bị Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh B phát hiện và bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 24/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện P kết luận tại thời điểm bị mất trộm, những chiếc xe xe mô tô có giá trị cụ thể như sau:

1. Xe mô tô BKS 97B1 - 355.47, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn xanh đen bạc trị giá 14.800.000đ.

2. Xe mô tô BKS 97B1 - 487.06, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đen trắng trị giá 18.900.000đ.

3. Xe mô tô BKS 97B1 - 366.11, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen bạc trị giá 16.490.000đ.

4. Xe mô tô BKS 97B1 - 250.95, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen bạc trị giá 13.840.000đ.

5. Xe mô tô BKS 11N1 - 028.04, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen đỏ trị giá 20.665.000đ.

6. Xe mô tô BKS 97B1 - 470.68, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen đỏ trị giá 17.850.000đ.

7. Xe mô tô BKS 97B1 - 422.66, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen đỏ, trị giá 17.900.000đ.

8. Xe mô tô BKS 97B1 - 565.26, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen trị giá 21.600.000đ.

9. Xe mô tô BKS 97B1 - 480.28, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen đỏ trị giá 20.250.000đ.

10. Xe mô tô BKS 97B1 - 499.33, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn vàng đen trị giá trị 19.010.000đ.

11. Xe mô tô BKS 97B1 - 433.36, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen có giá trị 18.000.000đ.

12. Xe mô tô BKS 97B1 - 400.66, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ đen có giá trị 18.700.000đ.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Đặng Văn S đã tác động gia đình nộp số tiền 75.000.000 đồng, bị cáo Triệu Văn L1 đã tác động gia đình nộp số tiền 35.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của Phùng Văn S2, Phùng Văn G, Triệu Tạ C2 và lời khai của Trịnh Tạ C1, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Bị cáo Triệu Văn L1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, bị cáo Đặng Văn S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần và xúi dục người chưa thành niên phạm tội.

Vật chứng của vụ án

Đối với những chiếc xe mô tô mà các bị cáo trộm cắp được và chiếc điện thoại mà bị cáo Đặng Văn S sử dụng liên lạc với các đối tượng để trộm cắp tài sản, quá trình điều tra không thu được.

Đối với những chiếc xe mô tô mà các bị cáo sử dụng để đi lại, điện thoại di động của Triệu Tạ C2 và các đối tượng sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đã được xử lý, giải quyết trong vụ án khác.

Trách nhiệm dân sự:

Nông Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 14.800.000đ; Sầm Thị L4 yêu cầu bồi thường số tiền 18.900.000đ; Bàn Tòn Quan yêu cầu bồi thường số tiền 16.490.000đ; Lộc Văn T1 yêu cầu bồi thường số tiền 13.840.000đ; Nông Thị T2 yêu cầu bồi thường số tiền 20.665.000 đồng; Ma Văn B1 yêu cầu bồi thường số tiền 17.850.000đ; Nông Văn M1 yêu cầu bồi thường số tiền 17.900.000đ; Lý Kiểm P1 yêu cầu bồi thường số tiền 21.600.000đ; Dương Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 20.250.000đ; Dương Văn L3 yêu cầu bồi thường số tiền 19.010.000đ; Lý Á P2 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000đ; Đặng Văn S1 yêu cầu bồi thường số tiền 18.700.000đ.

Tại Bản án hình sự số 03 ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tuyên: Buộc Phùng Văn G phải bồi thường cho Nông Văn T số tiền 14.800.000đ; Triệu Tạ C2, Phùng Văn S2 liên đới bồi thường cho Sầm Thị L4 số tiền 18.900.000đ; Phùng Văn S2, Trịnh Tạ C1 liên đới bồi thường cho Bàn Tòn Quan số tiền 16.490.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2, Trịnh Tạ C1 liên đới bồi thường cho Lộc Văn T1 13.840.000đ; Trịnh Tạ C1 bồi thường cho Nông Thị T2 số tiền 20.665.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2, Trịnh Tạ C1 liên đới bồi thường cho Ma Văn B1 số tiền 17.850.000đ; Phùng Văn S2 bồi thường cho Nông Văn M1 số tiền 17.900.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường cho Lý Kiểm P1 số tiền 21.600.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường cho Dương Văn Đ số tiền 20.250.000đ; Phùng Văn S2 bồi thường cho Dương Văn L3 số tiền 19.010.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường cho Lý Á Páo số tiền 18.000.000đ; Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường cho Đặng Văn S1 số tiền 18.700.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Phùng Văn S2, Phùng Văn G, Trịnh Tạ C1 và Triệu Tạ C2 yêu cầu các bị cáo phải cùng bồi thường thiệt hại của những lần cùng thực hiện trộm cắp mà Bản án số 03 ngày 27/02/2019 đã tuyên. Các bị cáo đồng ý nhưng chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận định giá tài sản và thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện. Người bị hại Đặng Văn S1, Lộc Văn T1, Nông Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên lời khai của của những người này lưu trong hồ sơ vụ án và ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa thể hiện có bị mất tài sản là xe mô tô, và yêu cầu các bị cáo đã trộm xe mô tô của họ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSPN ngày 18 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Truy tố bị cáo Triệu Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Đặng Văn S từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Triệu Văn L1 từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

6. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn G số tiền 7.400.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn T.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2 số tiền 3.150.000đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 3.150.000đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Sầm Thị L4.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 2.748.340đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 2.748.340đ đối với lần trộm chiếc xe của anh B2 Tồn Quan.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 1.153.333đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 1.153.333đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 1.153.333đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lộc Văn T1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 10.332.500đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Nông Thị T2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 1.487.500đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 1.487.500đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 1.487.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Ma Văn B1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 5.966.700đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn M1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.700.000đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.700.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Kiểm P3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.531.250đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.531.250đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn Đ.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 6.336.666đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn L3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.250.000đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.250.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Á P2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.337.500đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.337.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Đặng Văn S1.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tạm giữ số tiền 75.000.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đặng Văn S

- Tạm giữ số tiền 35.000.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Văn L1.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản luận cứ của người bào chữa tại phiên tòa. Người bào chữa nhận thấy việc xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền tại chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, các bị cáo được các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo Đặng Văn S phải chịu hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo Triệu Văn L1 phải chịu hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử cho hai bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo và miễn án phí cho hai bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an P5, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/01/2016 đến ngày 07/02/2017 tại nhiều địa bàn khác nhau thuộc huyện P, tỉnh Bắc Kạn, Đặng Văn S, Triệu Văn L1 cùng Triệu Tạ C2, Trịnh Tạ C1, Phùng Văn S2 và Phùng Văn G đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể: Đặng Văn S trộm cắp 12 chiếc xe mô tô với tổng trị giá 218.005.000đ; Triệu Văn L1 trộm cắp 06 chiếc xe mô tô với tổng trị giá 115.460.000đ.

Mặc dù nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã liên tiếp thực hiện trộm cắp xe mô tô của những người bị hại. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội nói chung và huyện P nói riêng, do vậy cần phải có hình phạt xứng đáng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ căn cứ khẳng định.

Hành vi của bị cáo Đặng Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo Triệu Văn L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

.....

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”

[3] Đánh giá về vai trò của các bị cáo

Trong vụ án này các bị cáo đều là đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có bị cáo nào giữ vai trò cầm đầu và không bị cáo nào giữ vai trò thứ yếu, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình. Trong vụ án này còn có Phùng Văn S2; Triệu Tạ C2; Phùng Văn G; Trịnh Tạ C1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng đã bị xét xử và đang chấp hành án.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trong quản lý tài sản.

Bị cáo Đặng Văn S đã 09 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với 12 chiếc xe mô tô, bị cáo Triệu Văn L1 04 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với 06 chiếc xe mô tô, do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định, các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đặng Văn S, Triệu Văn L1 đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội liên tiếp, do vậy mỗi bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, riêng bị cáo Đặng Văn S còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là “xúi giục Triệu Tạ C2 là người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Đặng Văn S đã tác động gia đình nộp vào cơ quan thi hành án dân sự số tiền 75.000.000đ, bị cáo Triệu Văn L1 đã tác động gia đình nộp vào cơ quan thi hành án dân sự số tiền 35.000.000đ để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị cáo xin lỗi các bị hại có mặt tại phiên tòa và được các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với những chiếc xe mô tô mà các bị cáo trộm cắp được và chiếc điện thoại mà bị cáo Đặng Văn S sử dụng liên lạc với các đối tượng để trộm cắp tài sản, quá trình điều tra không thu được.

Đối với những chiếc xe mô tô mà các bị cáo sử dụng để đi lại, điện thoại di động của Triệu Tạ C2 và các đối tượng sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đã được xử lý, giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Nông Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.800.000đ; Sầm Thị L4 yêu cầu bồi thường số tiền 18.900.000đ; Bàn Tồn Quan yêu cầu bồi thường số tiền 16.490.000đ; Lộc Thanh T4 yêu cầu bồi thường số tiền 13.840.000đ; Nông Thị T2 yêu cầu bồi thường số tiền 20.665.000 đồng; Ma Văn B1 yêu cầu bồi thường số tiền 17.850.000đ; Nông Văn M1 yêu cầu bồi thường số tiền 17.900.000đ; Lý Kiểm P1 yêu cầu bồi thường số tiền 21.600.000đ; Dương Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 20.250.000đ; Dương Văn L3 yêu cầu bồi thường số tiền 19.010.000đ; Lý Á P2 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000đ; Đặng Văn S1 yêu cầu bồi thường số tiền 18.700.000đ. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03 ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tuyên:

- Buộc bị cáo Phùng Văn G bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nông Văn T số tiền 14.800.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Triệu Tạ C2 và Phùng Văn S2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Sầm Thị L4 số tiền 18.900.000đ (Mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Triệu Tạ C2 và Phùng Văn S2 mỗi người bồi thường số tiền 9.450.000đ (Chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Sầm Thị L4.

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2 và Trịnh Tạ C1 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Bàn Tồn Q số tiền 16.490.000đ (Mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2 và Trịnh Tạ C1 mỗi người bồi thường số tiền 8.245.000đ (Tám triệu, hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng) cho anh Bàn Tồn Q.

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2, Trịnh Tạ C1 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lộc Văn T1 số tiền 13.840.000đ (Mười ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2; Trịnh Tạ C1 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 4.613.333đ (Bốn triệu, sáu trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) cho anh Lộc Văn T1

- Buộc bị cáo Trịnh Tạ C1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nông Thị T2 số tiền 20.665.000đ (Hai mươi triệu, sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2, Trịnh Tạ C1 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Ma Văn B1 số tiền 17.850.000 đ (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2; Trịnh Tạ C1 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 5.950.000đ (Năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) cho anh Ma Văn B1.

- Buộc bị cáo Phùng Văn S2 bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nông Văn M1 số tiền 17.900.000đ (Mười bảy triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lý Kiềm P1 số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 10.800.000đ (Mười triệu, tám trăm nghìn đồng) cho anh Lý Kiềm P1.

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Dương Văn Đ số tiền 20.250.000đ (Hai mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 10.125.000đ (Mười triệu, một trăm hai mươi năm nghìn đồng) cho anh Dương Văn Đ.

- Buộc bị cáo Phùng Văn S2 bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Dương Văn L3 số tiền 19.010.000đ (Mười chín triệu, không trăm mười nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lý Á Páo số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) cho anh Lý Á P2.

- Buộc các bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Đặng Văn S1 số tiền 18.700.000đ (Mười tám triệu, bảy trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 mỗi người bồi thường số tiền 9.350.000đ (Chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) cho anh Đặng Văn S1.

Trịnh Tạ C1, Phùng Văn G, Phùng Văn S2 và Triệu Tạ C2 vắng mặt tại phiên tòa đều có ý kiến đề nghị bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 phải có trách nhiệm hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, Phùng Văn G, Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 thì bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 nhất trí theo đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy việc Trịnh Tạ C1, Phùng Văn G, Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 đề nghị bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 phải có trách nhiệm hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, Phùng Văn G, Phùng Văn S2, Triệu Tạ C2 khoản tiền tương ứng với khoản tiền mà các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật là có căn cứ, do vậy cần ghi nhận tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn G số tiền 7.400.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn T.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2 số tiền 3.150.000đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 3.150.000đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Sầm Thị L4.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 2.748.333đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 2.748.333đ đối với lần trộm chiếc xe của anh B2 Tồn Quan.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 1.153.333đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 1.153.333đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 1.153.333đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lộc Văn T1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 10.332.500đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Nông Thị T2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1 số tiền 1.487.500đ, cho Phùng Văn S2 số tiền 1.487.500đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 1.487.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Ma Văn B1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 5.966.667đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn M1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.700.000đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.700.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Kiểm P3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.531.250đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.531.250đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn Đ.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 6.336.667đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn L3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.250.000đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.250.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Á P2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2 số tiền 2.337.500đ, cho Triệu Tạ C2 số tiền 2.337.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Đặng Văn S1.

[8]. Về biện pháp tư pháp:

Tạm giữ số tiền 75.000.000^d (Bảy mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000768, ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đặng Văn S.

Tạm giữ số tiền 35.000.000^d (Ba mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000767, ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Văn L1.

[9]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo Đặng Văn S phải chịu hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo Triệu Văn L1 phải chịu hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử cho hai bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo và miễn án phí cho hai bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có cơ sở, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị xin miễn án phí, do vậy cần miễn án phí cho các bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 phạm tội trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa

đổi bổ sung năm 2009. Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 07 (Bảy năm) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/5/2023).

3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn L1 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/5/2023).

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn G, sinh năm 1995 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 7.400.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn T.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 3.150.000đ; bồi hoàn cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 3.150.000đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Sầm Thị L4.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, sinh năm 1999 trú tại thôn Bản Sáp, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.748.333đ; bồi hoàn cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.748.333đ đối với lần trộm chiếc xe của anh B2 Tồn Quan.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, sinh năm 1999 trú tại thôn Bản Sáp, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.153.333đ; bồi hoàn cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.153.333đ; bồi hoàn cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.153.333đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lộc Văn T1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, sinh năm 1999 trú tại thôn Bản Sáp, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 10.332.500đ đối với lần trộm chiếc xe của chị Nông Thị T2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S phải bồi hoàn lại cho Trịnh Tạ C1, sinh năm 1999 trú tại thôn Bản Sáp, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.487.500đ; bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.487.500đ; bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.487.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Ma Văn B1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.966.667đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Nông Văn M1.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.700.000đ; Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.700.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Kiểm P3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.531.250đ; Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.531.250đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn Đ.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 6.336.667đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Dương Văn L3.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.250.000đ; Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.250.000đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Lý Á P2.

- Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Phùng Văn S2, sinh năm 1998 trú tại thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.337.500đ; Buộc bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 mỗi người phải bồi hoàn lại cho Triệu Tạ C2, sinh năm 2000 trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.337.500đ đối với lần trộm chiếc xe của anh Đặng Văn S1.

- Tạm giữ số tiền 75.000.000^d (Bảy mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000768, ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đặng Văn S. Sau khi thi hành xong các khoản tiền cho bị cáo Đặng Văn S thì khoản tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo Đặng Văn S.

- Tạm giữ số tiền 35.000.000^d (Ba mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000767, ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Văn L1. Sau khi thi hành xong các khoản tiền cho bị cáo Triệu Văn L1 thì khoản tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo Triệu Văn L1.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Bị cáo Đặng Văn S và Triệu Văn L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Người bào chữa (01b)
- Bị cáo. (02b)
- Bị hại. (12b)
- Người có QL, NVLQ. (07b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thanh Tuấn

